

Thương mại và FDI vượt kỳ vọng, thúc đẩy nâng dự báo

Lê Trần Thu Hằng

Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Mặc dù gián đoạn do chính sách thuế quan của Mỹ, KNXK và KNNK 8 tháng đầu năm 2026 tăng lần lượt 22,4% và 35,3% so với cùng kỳ, trong khi thâm hụt tháng 8 giảm xuống mức thấp nhất trong 9 tháng nhờ thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử giảm 14% so với tháng trước và thặng dư nhóm máy móc & thiết bị tăng 3,1 lần.
- Chúng tôi nâng dự báo cho giai đoạn 2026-2028 do kim ngạch thương mại hai chiều của nhóm linh kiện điện tử vượt trội. Trong năm 2026, chúng tôi dự báo KNXK và KNNK tăng trưởng lần lượt 22,1% và 31,7%, tương đương thâm hụt 19,2 tỷ USD, so với dự báo thặng dư 2,2 tỷ USD trước đó, do KNNK nhóm công nghệ tăng mạnh hơn và giá năng lượng duy trì ở mức cao gây sức ép lên cán cân thương mại. Chúng tôi hiện dự báo KNXK và KNNK năm 2027 tăng trưởng lần lượt 21,6% và 19,1%, tương đương thâm hụt 8,3 tỷ USD.
- HSC nâng dự báo tăng trưởng FDI đăng ký và thực hiện năm 2026 lên lần lượt 28,1% và 9% từ tăng trưởng lần lượt 6,2% và 8,6% trước đó, sau khi FDI đăng ký mới vượt dự báo. Chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI năm 2027-2028 trong khi chờ đợi thông tin về tiến độ triển khai Nghị quyết 10.

Nâng dự báo thương mại với cán cân thương mại dự kiến thâm hụt trong năm 2026

Các động lực tăng trưởng từ bên ngoài của Việt Nam đang tốt hơn so với kỳ vọng của chúng tôi. Theo đó, KNXK và KNNK tháng 8 tăng mạnh lần lượt 26% và 37,9% so với cùng kỳ, cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi (tăng lần lượt 11,6% và 13,6% so với cùng kỳ), trong khi cán cân thương mại thâm hụt thấp nhất trong 9 tháng ở mức 113 triệu USD. KNXK và KNNK 8 tháng đầu năm 2026 tăng lần lượt 22,4% và 35,3% so với cùng kỳ, tương đương thâm hụt tăng lên 20,5 tỷ USD. Tính đến nửa đầu tháng 9, thâm hụt thương mại mở rộng lên 23,5 tỷ USD, so với thặng dư 13,4 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng tích cực kể từ đầu năm, nhờ mặt bằng tăng trưởng KNXK & KNNK cao hơn mạng tính cấu trúc ở các nhóm thiết bị điện tử, máy tính, máy móc & thiết bị với những động lực bao gồm: 1) [làn sóng hạ tầng AI toàn cầu](#) và 2) [chính sách miễn thuế đối với các mặt hàng linh kiện điện tử của Mỹ tiếp tục được duy trì](#). Theo đó, HSC nâng dự báo cho giai đoạn 2026-2028 với KNXK tăng trưởng lần lượt 22,1%, 21,6% và 19,8% và KNNK tăng trưởng lần lượt 31,7%, 19,1% và 17,8%, tương đương cán cân thương mại thâm hụt 19,2 tỷ USD trong năm 2026, thâm hụt 8,3 tỷ USD trong năm 2027 và thặng dư 4,3 tỷ USD trong năm 2028 (Biểu đồ 2). Chúng tôi điều chỉnh dự báo cán cân thương mại sang thâm hụt 19,2 tỷ USD cho năm 2026 (từ thặng dư 2,2 tỷ USD trước đó) phản ánh quan điểm KNNK nhóm linh kiện điện tử sẽ cần nhiều thời gian hơn dự kiến để chuyển thành KNXK, trong khi giá năng lượng toàn cầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn tiếp tục gây áp lực lên cán cân thương mại nhóm năng lượng. Trong tháng 9, chúng tôi dự báo KNXK và KNNK tăng trưởng lần lượt 21,5% và 30,5% so với cùng kỳ, tương đương thâm hụt 0,1 tỷ USD.

FDI đăng ký mới vượt kỳ vọng, nâng dự báo FDI

Dựa trên kết quả tích cực kể từ đầu năm (FDI đăng ký và thực hiện tăng lần lượt 55,4% và 12% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2026), chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng FDI đăng ký và thực hiện năm 2026 lên lần lượt 28,1% và 9% (Biểu đồ 3) từ tăng trưởng lần lượt 6,2% và 8,6% trước đó. HSC giữ nguyên dự báo FDI cho năm 2027-2028 trong khi tiếp tục theo dõi các cuộc điều tra thuế quan của Mỹ theo Mục 301 về “năng lực sản xuất dư thừa” và “bảo hộ sở hữu trí tuệ”, cùng các cải cách pháp lý đang diễn ra, bao gồm tiến độ triển khai [Nghị quyết 10-NQ/TW](#) về phát triển khu vực FDI. Đối với diễn biến thuế quan của Mỹ, Tổng Bí thư Tô Lâm cho biết trong cuộc gặp gần nhất với Đại sứ USTR Greer rằng [thỏa thuận thương mại đã ở “rất gần”](#), đồng thời tái khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc ngăn chặn hoạt động trung chuyển bất hợp pháp. Tổng Bí thư lưu ý Việt Nam đã tăng cường kiểm soát hải quan, ban hành chính sách cấm hàng hóa sử dụng lao động cưỡng bức và đẩy mạnh xử lý vi phạm bản quyền trực tuyến cùng các vi phạm sở hữu trí tuệ khác.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/9.

Biểu đồ 1: Tổng quan & dự báo thương mại và FDI

Chúng tôi nâng dự báo thương mại giai đoạn 2026-28 và dự báo FDI năm 2026, phản ánh đà tăng trưởng từ đầu năm đến nay tích cực hơn kỳ vọng

	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	
KNXK (triệu USD)	243,697.3	264,267.6	282,628.9	336,166.8	371,715.4	354,721.0	405,935.4	474,997.8	579,972.3	705,246.4	844,885.1	
KNXK (tăng trưởng)	13.3%	8.4%	6.9%	18.9%	10.6%	-4.6%	14.4%	17.0%	22.1%	21.6%	19.8%	
KNNK (triệu USD)	236,869	253,393	262,691	332,843	359,575	326,358	380,991	454,937	599,151	713,589	840,608	
KNNK (tăng trưởng)	11.2%	7.0%	3.7%	26.7%	8.0%	-9.2%	16.7%	19.4%	31.7%	19.1%	17.8%	
Cán cân thương mại (triệu USD)	6,828	10,874	19,938	3,324	12,140	28,363	24,952	20,061	(19,179)	(8,343)	4,277	
Tổng FDI đăng ký (triệu USD)	35,466	38,019	28,530	31,153	27,718	36,602	38,226	38,420	49,216	54,236	57,924	
Tổng FDI đăng ký (tăng trưởng)	-1.2%	7.2%	-25.0%	9.2%	-11.0%	32.1%	4.4%	0.5%	28.1%	10.2%	6.8%	
FDI thực hiện (triệu USD)	19,100	20,380	19,980	19,740	22,396	23,183	25,351	27,620	30,106	32,002	34,659	
FDI thực hiện (tăng trưởng)	9.1%	6.7%	-2.0%	-1.2%	13.5%	3.5%	9.4%	9.0%	9.0%	6.3%	8.3%	

Nguồn: Cục Thống kê, Hải quan, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Thương mại & FDI duy trì ổn định trong bối cảnh phân mảnh

KNXK và KNNK tháng 8 tăng lần lượt 26% và 37,9% so với cùng kỳ, vượt đáng kể dự báo của chúng tôi, trong khi thâm hụt thu hẹp xuống mức thấp nhất trong 9 tháng (113 triệu USD). Trong bối cảnh thương mại hai chiều mạnh mẽ kể từ đầu năm (KNXK và KNNK tăng lần lượt 22,4% và 35,3% so với cùng kỳ, tương đương thâm hụt 20,5 tỷ USD), chúng tôi nâng dự báo thương mại cho giai đoạn 2026-2028 với KNXK tăng trưởng lần lượt 22,1%, 21,6% và 19,8% và KNNK tăng trưởng lần lượt 31,7%, 19,1% và 17,8% trong giai đoạn 2026-2028. Theo đó, cán cân thương mại sẽ thâm hụt 19,2 tỷ USD trong năm 2026, thâm hụt 8,3 tỷ USD trong năm 2027 và thặng dư 4,3 tỷ USD trong năm 2028. Việc điều chỉnh dự báo cán cân thương mại trong năm 2026 phản ánh kỳ vọng của chúng tôi rằng KNNK nhóm linh kiện điện tử mạnh hơn và giá trị nhập khẩu năng lượng chưa sớm hạ nhiệt do giá năng lượng toàn cầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn. Do dòng vốn FDI kể từ đầu năm tích cực với FDI đăng ký tăng 55,4% so với cùng kỳ, trong đó vốn đăng ký mới tăng mạnh 96,8% so với cùng kỳ, và FDI thực hiện tăng 12% so với cùng kỳ, HSC nâng dự báo tăng trưởng FDI đăng ký và thực hiện năm 2026 lên lần lượt 28,1% và 9% so với cùng kỳ. HSC giữ nguyên dự báo FDI năm 2027-2028 trong khi tiếp tục theo dõi 1) thuế quan theo Mục 301 của Mỹ và 2) tiến độ triển khai Nghị quyết 10.

Thâm hụt thương mại tháng 8 giảm xuống mức thấp nhất 9 tháng

Hoạt động thương mại của Việt Nam tiếp tục vượt kỳ vọng của HSC với KNXK tăng 26% so với cùng kỳ (tăng 3,2% so với tháng trước) đạt 54,8 tỷ USD và KNNK tăng 37,9% so với cùng kỳ (giảm 3,1% so với tháng trước) đạt 54,9 tỷ USD trong tháng 8, so với dự báo của chúng tôi là tăng lần lượt 11,6% và 13,6% so với cùng kỳ. Cán cân thương mại tháng 8 thâm hụt 113 triệu USD, tháng thâm hụt thứ 9 liên tiếp nhưng là mức thâm hụt thấp nhất trong 9 tháng (Biểu đồ 4).

Bảng 2: Điều chỉnh dự báo thương mại của HSC trong báo cáo này

Chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng thương mại giai đoạn 2026-28, dù vẫn kỳ vọng thâm hụt thương mại 19,2 tỷ USD trong năm 2026, thâm hụt 8,3 tỷ USD trong năm 2027 và thặng dư 4,3 tỷ USD trong năm 2028

	2025		2026F		2027F		2028F	
	Thực tế	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	
KNXK (tăng trưởng)	17.0%	17.5%	22.1% ▲	10.5%	21.6% ▲	14.5%	19.8% ▲	
KNNK (tăng trưởng)	19.4%	22.2%	31.7% ▲	10.0%	19.1% ▲	14.3%	17.8% ▲	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	20.1	2.2	(19.2) ▼	5.2	(8.3) ▼	7.1	4.3 ▼	

Nguồn: Hải quan, HSC

Bảng 3: Điều chỉnh dự báo FDI của HSC trong báo cáo này

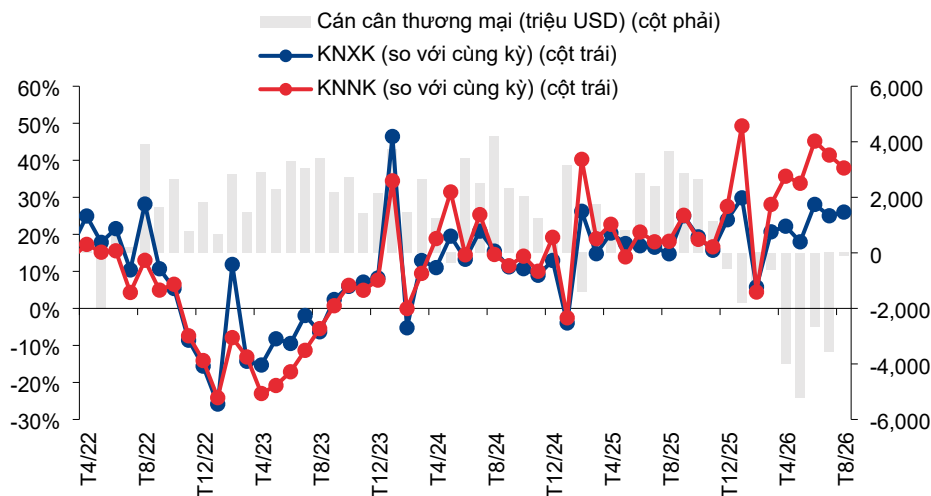
HSC nâng dự báo tăng trưởng tổng vốn FDI đăng ký và vốn FDI thực hiện năm 2026

	2025		2026F		2027F		2028F	
	Thực tế	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	
Tổng vốn FDI đăng ký (tăng trưởng)	0.5%	6.2%	28.1% ▲	10.2%	10.2% ▬	6.8%	6.8% ▬	
Tổng vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	38.4	40.8	49.2 ▲	45.0	54.2 ▲	48.0	57.9 ▲	
Tổng vốn FDI thực hiện (tăng trưởng)	9.0%	8.6%	9.0% ▲	6.3%	6.3% ▬	8.3%	8.3% ▬	
Tổng vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	27.6	30	30.1 ▲	31.9	32.0 ▲	34.5	34.7 ▲	

Nguồn: Cục Thống kê, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Biểu đồ 4: Hoạt động thương mại của Việt Nam

Trong tháng 8/2026, KNXK và KNNK lần lượt tăng 26% và 37,9% so với cùng kỳ



Nguồn: Hải quan, HSC

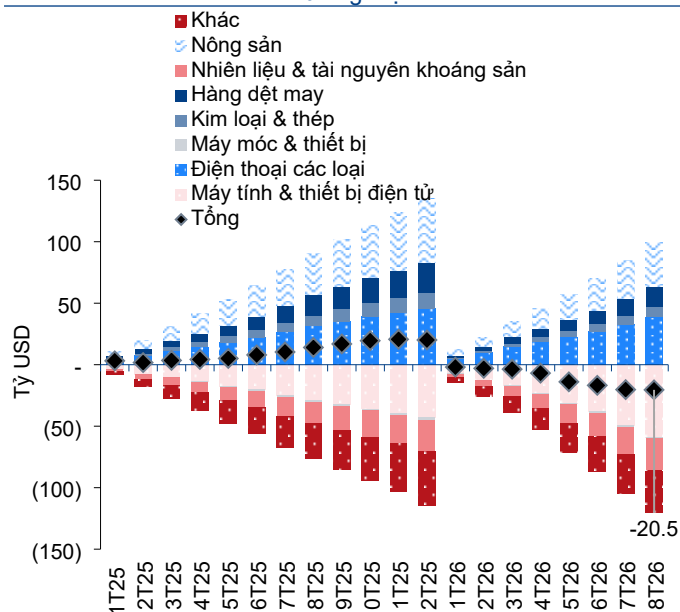
Từ đó, KNXK và KNNK 8 tháng đầu năm 2026 tăng lần lượt 22,4% và 35,3% so với cùng kỳ, đạt lần lượt 374,8 tỷ USD và 395,3 tỷ USD, tương đương thâm hụt thương mại 20,5 tỷ USD, đảo chiều mạnh so với thặng dư 14 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2025. Theo Hải quan Việt Nam, nửa đầu tháng 9/2026 ghi nhận thâm hụt thương mại 2,8 tỷ USD, so với thâm hụt 1,5 tỷ USD trong nửa đầu tháng 8/2026 và thâm hụt 0,7 tỷ USD trong nửa đầu tháng 9/2025, tương đương tổng thâm hụt kể từ đầu năm đến nửa đầu tháng 9 đạt 23,5 tỷ USD (so với thặng dư 13,4 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái).

Cơ cấu thâm hụt thương mại 8 tháng đầu năm 2026 theo nhóm sản phẩm, thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử tăng mạnh 103,7% so với cùng kỳ lên 59,3 tỷ USD, trong khi thâm hụt nhóm máy móc & thiết bị giảm 79,5% so với cùng kỳ xuống 292 triệu USD, cho thấy hoạt động tích lũy hàng tồn kho linh kiện điện tử chủ chốt tiếp tục diễn ra trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu tăng cao liên quan đến chu kỳ tăng trưởng AI, cùng với sự phục hồi của KNXK nhóm máy móc & thiết bị. Đáng chú ý, theo tháng, thâm hụt nhóm máy tính & thiết bị điện tử giảm 14% so với tháng trước xuống 9,8 tỷ USD, trong khi cán cân thương mại nhóm máy móc & thiết bị tiếp tục thặng dư trong tháng thứ 2 liên tiếp, tăng 3,1 lần lên 639 triệu USD, cho thấy hoạt động xuất khẩu máy móc & thiết bị sản xuất đang tăng trưởng trở lại trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu đầu vào và linh kiện điện tử giá trị cao vẫn bền vững.

Ngoài các khoản thâm hụt liên quan đến công nghệ, thâm hụt nhóm nhiên liệu & khoáng sản cũng mở rộng 49% so với cùng kỳ lên 26,1 tỷ USD kể từ đầu năm, chủ yếu do sản phẩm dầu mỏ thâm hụt 7,4 tỷ USD (tăng 82% so với cùng kỳ), than thâm hụt 6,2 tỷ USD (tăng 34,1% so với cùng kỳ), dầu thô thâm hụt 5,3 tỷ USD (tăng 24% so với cùng kỳ) và quặng & các khoáng sản khác thâm hụt 3 tỷ USD (tăng 58,2% so với cùng kỳ). So với tháng trước, thâm hụt nhóm nhiên liệu & khoáng sản tăng nhẹ 0,1% lên 3,6 tỷ USD trong bối cảnh giá dầu toàn cầu phục hồi, chủ yếu do sản phẩm dầu mỏ thâm hụt 1,2 tỷ USD (tăng 18,7%) và dầu thô thâm hụt 784 triệu USD (tăng 10%). Ngược lại, cán cân thương mại Việt Nam tiếp tục thặng dư ở một số nhóm hàng xuất khẩu chủ chốt, bao gồm nông sản (tăng 6% so với cùng kỳ lên 35,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026), điện thoại các loại (tăng 24,2% so với cùng kỳ lên 38,7 tỷ USD) và dệt may (tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ lên 16,6 tỷ USD). Cán cân thương mại nhóm kim loại & sắt thép cũng duy trì thặng dư ở mức 8,5 tỷ USD, mặc dù giảm 4,9% so với cùng kỳ (Biểu đồ 5, 6).

Biểu đồ 5: Cán cân thương mại kể từ đầu năm theo các sản phẩm chủ chốt

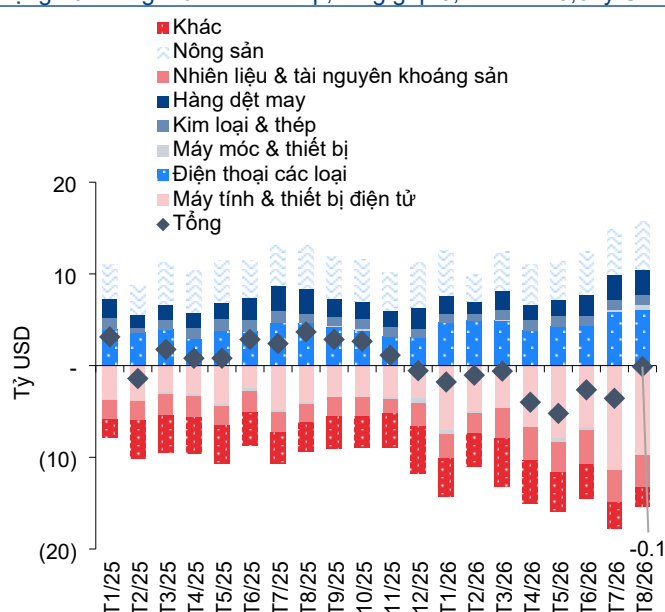
Thâm hụt nhóm máy tính và thiết bị điện tử tiếp tục là nguyên nhân chính khiến cán cân thương mại xấu đi



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 6: Cán cân thương mại hàng tháng theo các sản phẩm chủ chốt

Cán cân thương mại nhóm máy móc và thiết bị tiếp tục ghi nhận thặng dư tháng thứ hai liên tiếp, tăng gấp 3,1 lần lên 0,6 tỷ USD

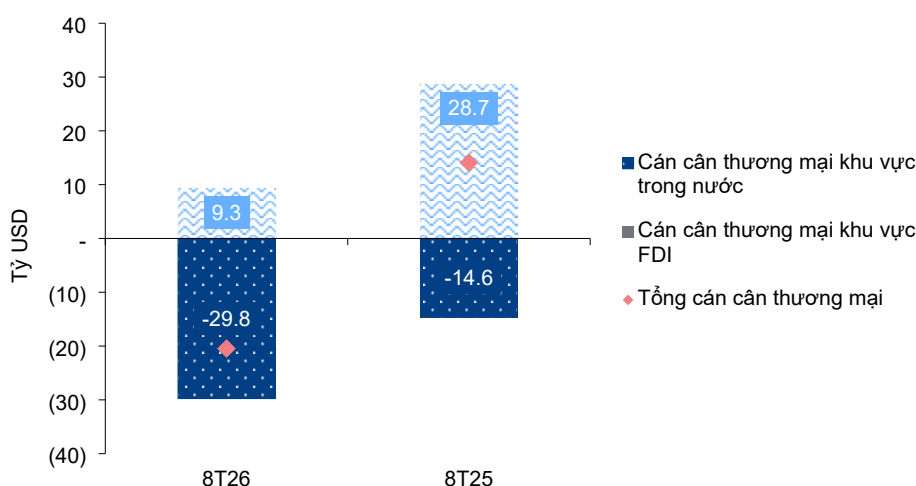


Nguồn: Hải quan, HSC

Cơ cấu thâm hụt 8 tháng đầu năm 2026 theo khu vực, cán cân thương mại suy yếu chủ yếu do thâm hụt của khu vực trong nước tăng đáng kể lên 29,8 tỷ USD kể từ đầu năm, so với thâm hụt 14,6 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2025, cùng với thặng dư của khu vực FDI thu hẹp xuống 9,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, so với 28,7 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Cán cân thương mại so với đầu năm theo ngành

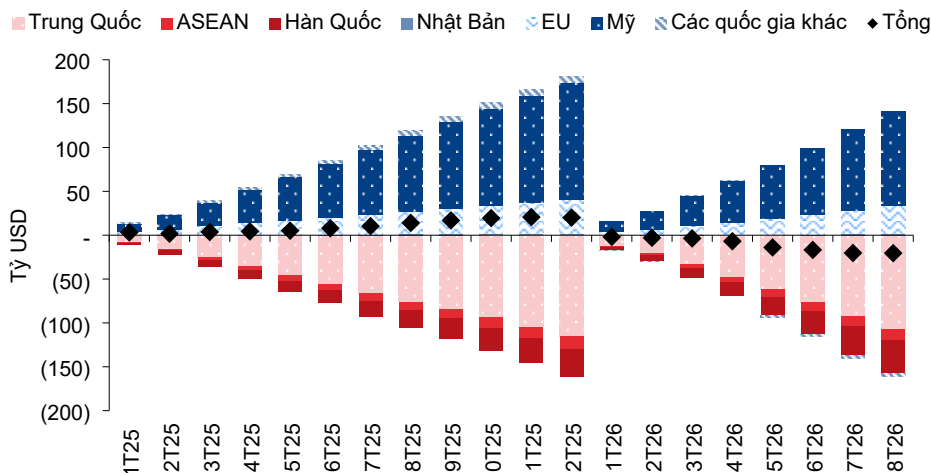
Thâm hụt thương mại lũy kế từ đầu năm chủ yếu do thâm hụt thương mại của khu vực kinh tế trong nước gia tăng trong khi thặng dư của khu vực FDI sụt giảm



Nguồn: Hải quan, HSC

Cơ cấu cán cân thương mại kể từ đầu năm theo quốc gia, Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại với Trung Quốc (tăng 41,1% so với cùng kỳ lên 107,3 tỷ USD), ASEAN (tăng 38,4% so với cùng kỳ lên 13 tỷ USD) và Hàn Quốc (tăng 88,6% so với cùng kỳ lên 37,7 tỷ USD), trong khi thặng dư với Mỹ (tăng 23,1% so với cùng kỳ lên 107 tỷ USD), EU (tăng 23,8% so với cùng kỳ lên 31,6 tỷ USD) và Nhật Bản (tăng 62,9% so với cùng kỳ lên 2,4 tỷ USD) (Biểu đồ 8).

Biểu đồ 8: Cán cân thương mại so với đầu năm theo các quốc gia đối tác chính
Trung Quốc và Hàn Quốc chiếm phần lớn thâm hụt thương mại của Việt Nam

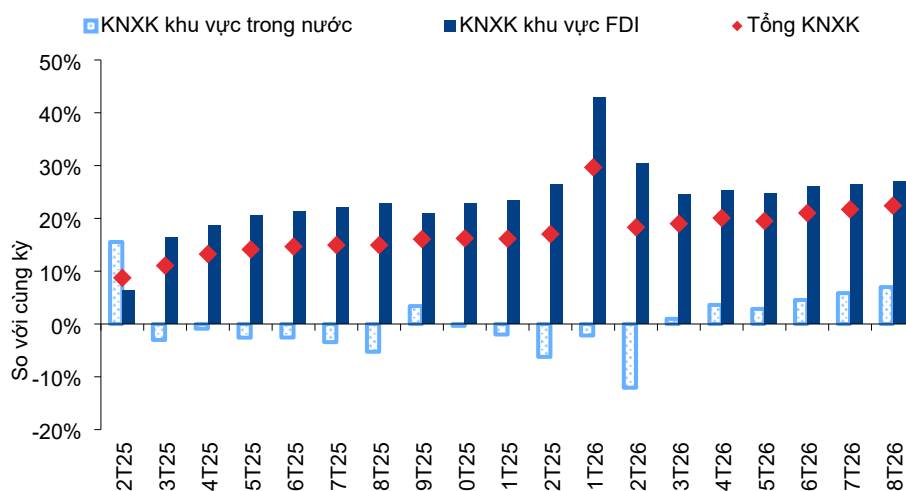


Nguồn: Hải quan, HSC

Mặc dù thương mại tổng thể nhìn chung tích cực, KNXK có sự phân hóa theo khu vực. Các doanh nghiệp FDI vẫn là động lực tăng trưởng xuất khẩu chính với KNXK tăng 27% so với cùng kỳ lên 299,5 tỷ USD, chiếm 79,9% tổng KNXK kể từ đầu năm (từ 77% cùng kỳ năm ngoái), trong khi KNXK khu vực trong nước tăng 7% so với cùng kỳ lên 75,3 tỷ USD. Sự phân hóa này phản ánh lợi thế cạnh tranh của khu vực FDI ở các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực, cụ thể là máy tính, thiết bị điện tử, máy móc & thiết bị nhờ nhu cầu toàn cầu mạnh mẽ đối với các sản phẩm liên quan đến công nghệ trong bối cảnh [chu kỳ đầu tư do AI dẫn dắt](#) và giá chất bán dẫn chủ chốt tăng cao. Ngoài ra, theo ước tính của chúng tôi, với việc chuyển từ chính sách thuế theo Mục 122 sang chính sách thuế “lao động cưỡng bức” theo Mục 301, [84,6% KNXK máy móc & thiết bị điện của Việt Nam sang Mỹ vẫn sẽ nằm ngoài phạm vi mức thuế suất 12,5% mới](#). Điều này chủ yếu mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp FDI với hoạt động xuất khẩu tập trung ở thiết bị điện tử & linh kiện (Biểu đồ 9).

Biểu đồ 9: Cơ cấu tăng trưởng KNXK kể từ đầu năm theo ngành

Xuất khẩu của khu vực FDI tiếp tục duy trì đà tăng tích cực trong khi khu vực doanh nghiệp trong nước ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn hơn



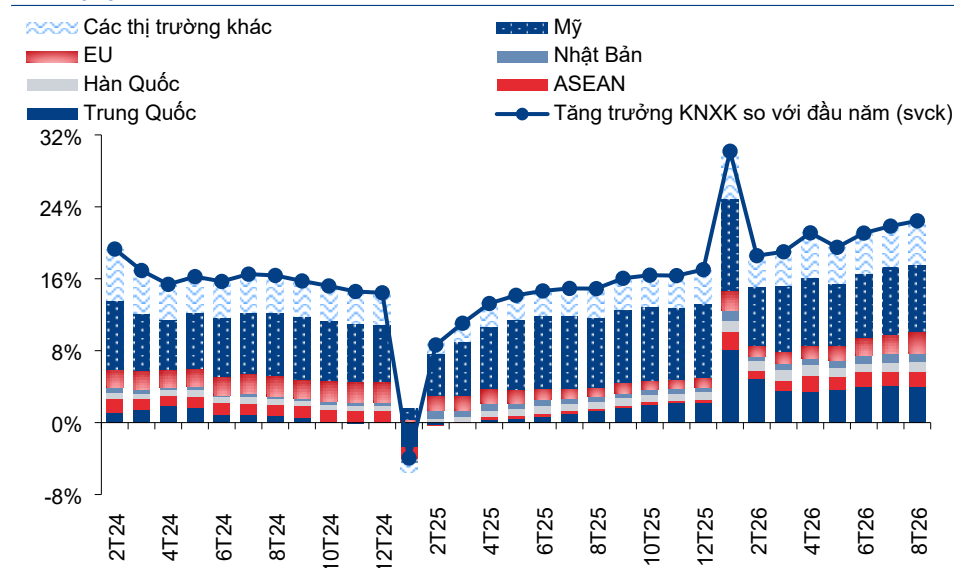
Nguồn: Hải quan, HSC

Đối với thị trường xuất khẩu chính, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với KNXK tăng 23,2% so với cùng kỳ lên 122 tỷ USD, nâng tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ lên 32,6% từ 32,3% trong 8 tháng đầu năm 2025 và đóng góp 7,5 điểm

phần trăm vào tăng trưởng KNXK so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2026. Đáng chú ý, KNXK máy tính & thiết bị điện tử sang Mỹ tăng mạnh 48,5% so với cùng kỳ lên 38,8 tỷ USD, phù hợp với sự vượt trội của khu vực FDI. Trong khi đó, KNXK sang Trung Quốc, thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, vượt tốc độ tăng trưởng KNXK sang Mỹ với mức tăng 29,4% so với cùng kỳ lên 54,2 tỷ USD, đóng góp 14,5% tổng KNXK (so với 13,7% trong 8 tháng đầu năm 2025). KNXK sang EU tăng 19,7% so với cùng kỳ lên 44,3 tỷ USD kể từ đầu năm, mặc dù thị phần giảm nhẹ xuống 11,8% từ 12,1% cùng kỳ năm ngoái. Ở các thị trường khác, KNXK sang các quốc gia ASEAN (tăng 20,1% so với cùng kỳ lên 30,7 tỷ USD), Hàn Quốc (tăng 17% so với cùng kỳ lên 22,3 tỷ USD) và Nhật Bản (tăng 17% so với cùng kỳ lên 20,5 tỷ USD) đều tăng trưởng hai chữ số, cho thấy xu hướng tăng trưởng trên diện rộng (Biểu đồ 10).

Biểu đồ 10: Đóng góp vào tăng trưởng KNXK so với đầu năm theo các thị trường trọng điểm

Tỷ trọng của Mỹ trong tổng KNXK tăng lên 32,6% so với mức 32,3% trong 8 tháng đầu năm 2025

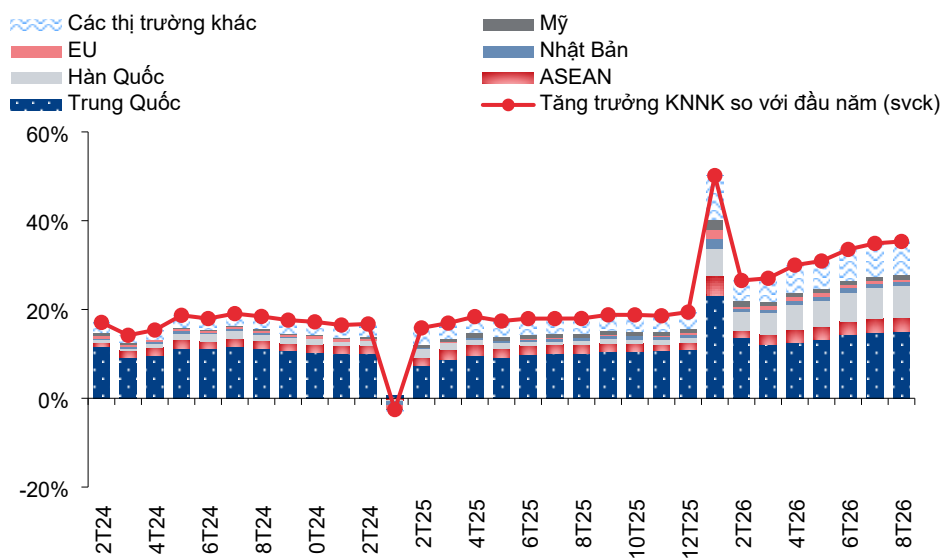


Nguồn: Hải quan, HSC

Về phía nhập khẩu, KNNK từ Trung Quốc, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, tăng mạnh 37,3% so với cùng kỳ lên 161,9 tỷ USD, nâng thị phần nhập khẩu lên 41% (từ 40,4% trong 8 tháng đầu năm 2025) và đóng góp 15,1 điểm phần trăm vào tăng trưởng KNNK so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm. Tốc độ tăng trưởng KNNK từ Hàn Quốc mạnh hơn Trung Quốc, tăng 54,1% so với cùng kỳ lên 60,1 tỷ USD, nâng thị phần trong tổng KNNK lên 15,2% trong 8 tháng đầu năm 2026 từ 13,4% cùng kỳ năm ngoái. KNNK từ các quốc gia ASEAN, Nhật Bản, EU và Mỹ tăng mạnh lần lượt 26,4%, 13,3%, 12,7% và 26,8% so với cùng kỳ, đạt lần lượt 44,2 tỷ USD, 18,1 tỷ USD, 12,9 tỷ USD và 15,4 tỷ USD (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 11: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK so với đầu năm theo các thị trường chính

KNNK từ Trung Quốc chiếm 41% tổng KNNK lũy kế từ đầu năm

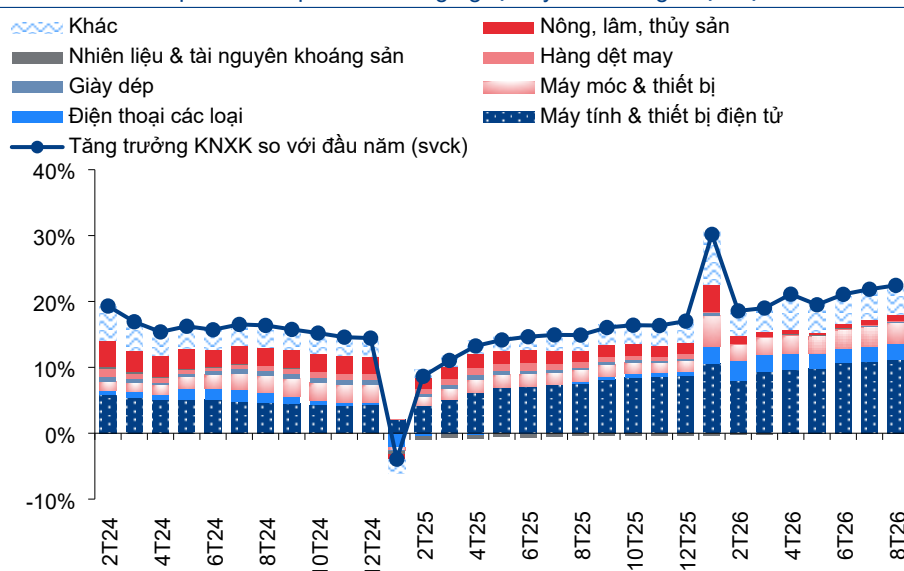


Nguồn: Hải quan, HSC

Cơ cấu theo nhóm sản phẩm, các nhóm sản phẩm xuất khẩu cốt lõi tăng trưởng mạnh trên diện rộng trong 8 tháng đầu năm 2026, dẫn đầu chủ yếu là các sản phẩm liên quan đến công nghệ. Trong đó, KNNK máy tính & thiết bị điện tử (tăng 51,1% so với cùng kỳ lên 101,1 tỷ USD), điện thoại các loại (tăng 19,4% so với cùng kỳ lên 45,6 tỷ USD), máy móc & thiết bị (tăng 26,4% so với cùng kỳ lên 47,3 tỷ USD), dệt may (tăng 1,6% so với cùng kỳ lên 26,9 tỷ USD), các sản phẩm nông- lâm- thủy sản (tăng 6,2% so với cùng kỳ lên 44,7 tỷ USD) và giày dép (tăng 0,7% so với cùng kỳ lên 16,2 tỷ USD) (Biểu đồ 12).

Biểu đồ 12: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK so với đầu năm theo các sản phẩm chính

KNNK nhóm sản phẩm liên quan đến công nghệ duy trì đà tăng vượt trội



Nguồn: Hải quan, HSC

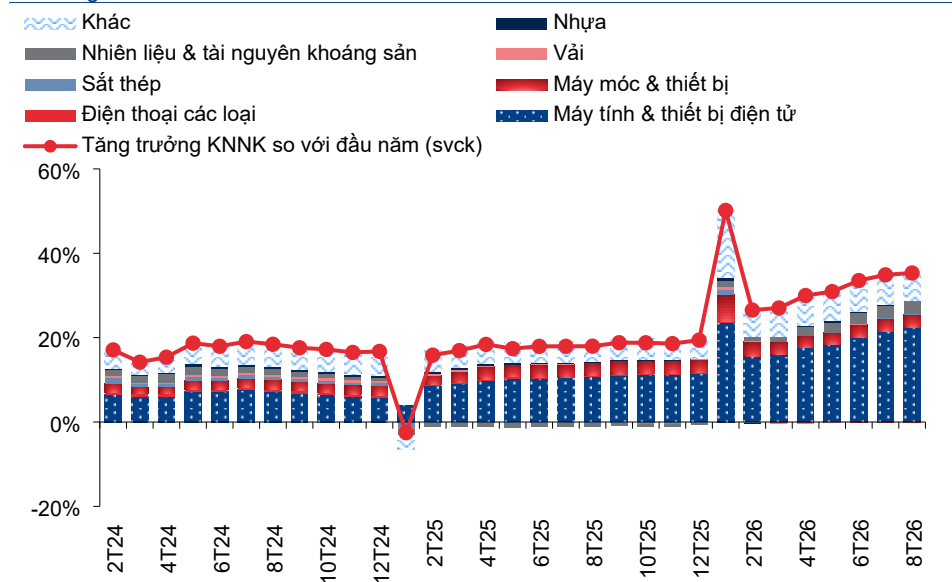
Ghi chú: Nhóm sản phẩm nông, lâm, thủy sản bao gồm thủy sản, gạo, cà phê, rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, gỗ và sản phẩm gỗ, sắn và sản phẩm từ sắn, bánh ngọt, kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc, thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Tăng trưởng nhập khẩu theo sản phẩm tiếp tục tích cực, cho thấy nhu cầu bền vững đối với đầu vào sản xuất, đặc biệt từ khu vực FDI, trong đó KNNK máy tính & thiết bị

điện tử (tăng 68,3% so với cùng kỳ lên 161,6 tỷ USD), máy móc & thiết bị (tăng 22,1% so với cùng kỳ lên 47,4 tỷ USD), chất dẻo nguyên liệu (tăng 7,8% so với cùng kỳ lên 9 tỷ USD), sắt thép (tăng 7,5% so với cùng kỳ lên 7,7 tỷ USD) và vải (tăng 2,5% so với cùng kỳ lên 10,2 tỷ USD), trong khi điện thoại các loại (giảm 1,7% so với cùng kỳ xuống 6,9 tỷ USD) chững lại (Biểu đồ 13).

Biểu đồ 13: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK so với đầu năm theo các sản phẩm chính

KNNK linh kiện công nghệ gia tăng cho thấy doanh nghiệp đang đẩy nhanh hoạt động tích trữ hàng tồn kho



Nguồn: Hải quan, HSC

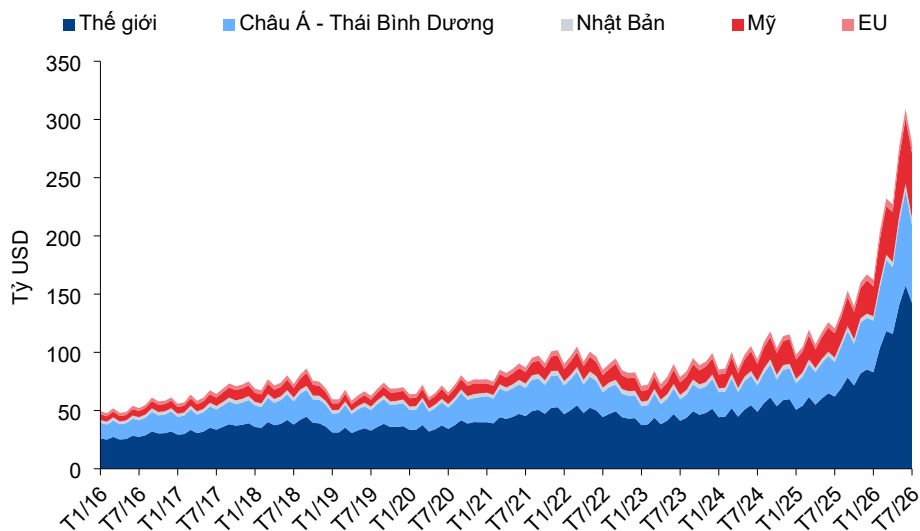
Nâng dự báo thương mại giai đoạn 2026-2028 thương mại nhóm điện tử mạnh mẽ

Tăng trưởng thương mại tiếp tục vượt kỳ vọng, dẫn đầu là KNNK máy tính, thiết bị điện tử và máy móc nhờ chu kỳ tăng trưởng AI toàn cầu, trong khi phần lớn các sản phẩm này vẫn được miễn thuế khi chuyển sang chính sách thuế "lao động cường bức" theo Mục 301. Từ đó, chúng tôi nâng dự báo thương mại cho giai đoạn 2026-2028 với KNNK tăng trưởng lần lượt 22,1%, 21,6% và 19,8% trong giai đoạn 2026-2028, tăng lần lượt 4,6 điểm phần trăm, 11,1 điểm phần trăm và 5,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Chúng tôi cũng nâng dự báo tăng trưởng KNNK lên lần lượt 31,7%, 19,1% và 17,8%, tăng lần lượt 9,5 điểm phần trăm, 9,1 điểm phần trăm và 3,5 điểm phần trăm.

Theo dự báo mới, chúng tôi hiện dự báo cán cân thương mại năm 2026 sẽ thâm hụt 19,2 tỷ USD so với dự báo thặng dư 2,2 tỷ USD trước đó, trước khi thu hẹp xuống thâm hụt 8,3 tỷ USD trong năm 2027 (so với dự báo thặng dư 5,2 tỷ USD trước đó) và thặng dư trở lại 4,3 tỷ USD trong năm 2028 (so với dự báo thặng dư 7,1 tỷ USD trước đó). Mức thâm hụt đáng kể dự báo cho năm 2026 phản ánh kỳ vọng của chúng tôi về hai lực cản chính: 1) cán cân thương mại các nhóm hàng điện tử chủ chốt, bao gồm máy tính, thiết bị điện tử, máy móc & thiết bị, cần nhiều thời gian hơn dự kiến để chuyển sang thặng dư trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh do khu vực FDI mở rộng mạnh mẽ và giá chất bán dẫn tăng cao, trong khi 2) căng thẳng địa chính trị kéo dài nhiều khả năng sẽ khiến giá trị nhập khẩu các sản phẩm năng lượng chủ chốt duy trì ở mức cao, gây áp lực lên cán cân thương mại nhóm năng lượng. HSC tóm tắt dự báo thương mại điều chỉnh cho năm 2027-2028 trong Biểu đồ 2.

Biểu đồ 14: Thống kê thương mại chất bán dẫn toàn cầu: Doanh số bán ròng

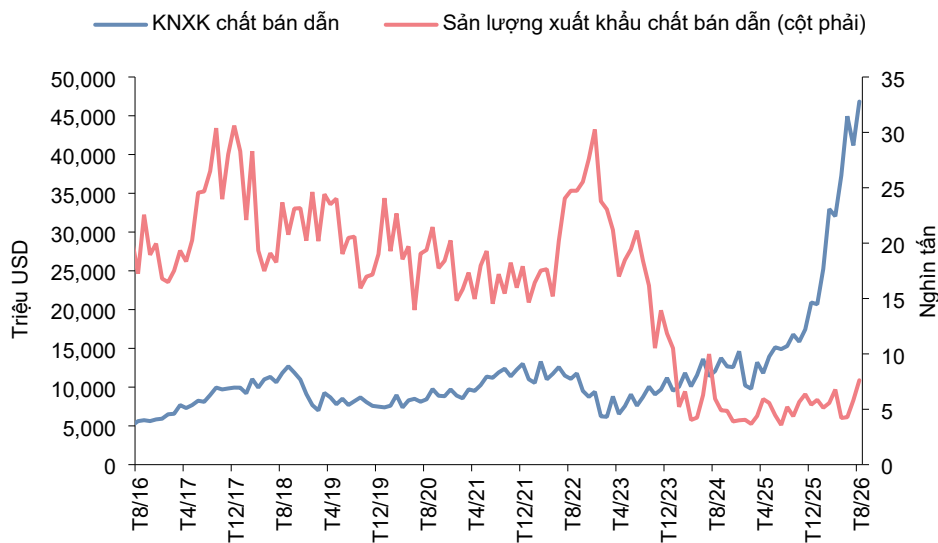
Doanh thu chất bán dẫn đã đạt mức cao kỷ lục mới, phản ánh nhu cầu ngày càng gia tăng trên toàn cầu nhằm đáp ứng làn sóng bùng nổ đầu tư vào hạ tầng AI



Nguồn: CEIC, HSC

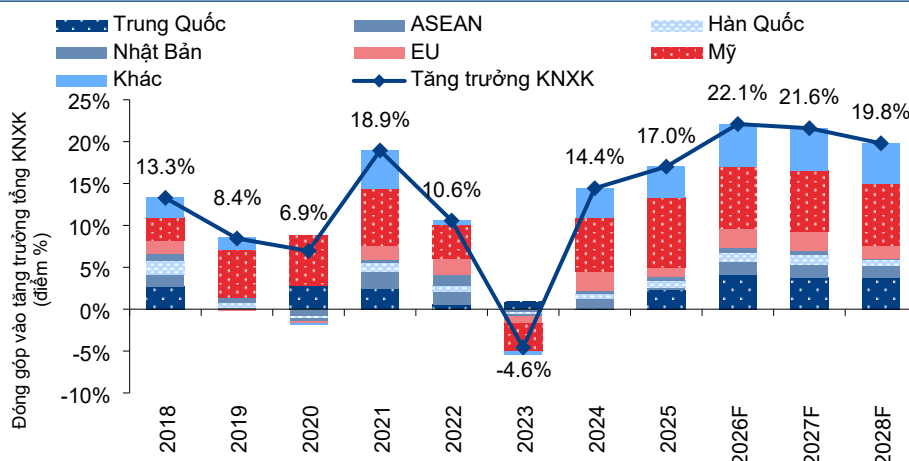
Biểu đồ 15: Xuất khẩu chất bán dẫn của Hàn Quốc

Xuất khẩu chất bán dẫn của Hàn Quốc – một chỉ báo sớm quan trọng của chu kỳ ngành bán dẫn toàn cầu – đã tăng đáng kể



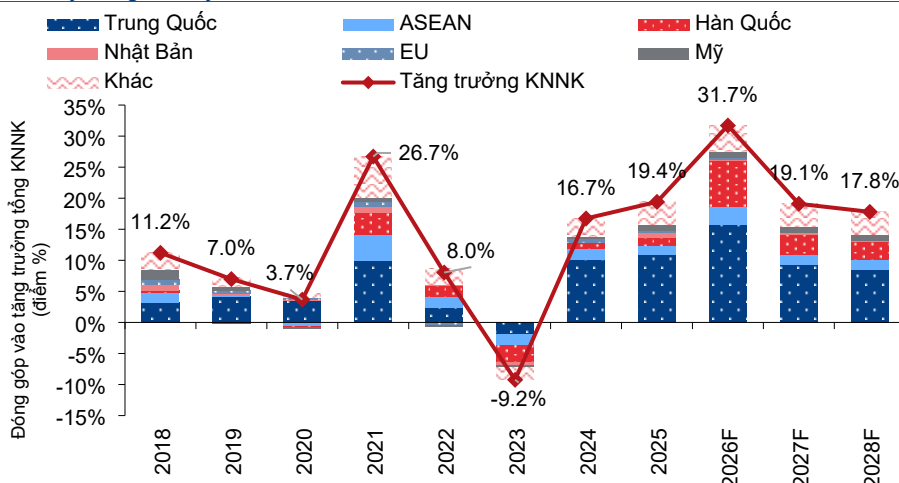
Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 16: Đóng góp của các thị trường vào dự báo tăng trưởng KNKK theo năm
KNKK sang Mỹ, Trung Quốc, ASEAN và Hàn Quốc được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tích cực



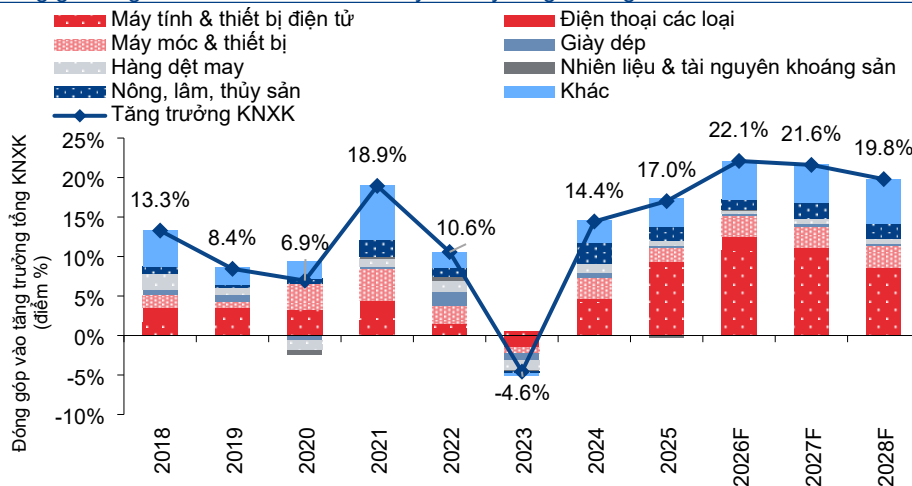
Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 17: Đóng góp của các thị trường vào dự báo tăng trưởng KNNK theo năm
Đóng góp của các thị trường Trung Quốc, ASEAN và Hàn Quốc vào tăng trưởng KNNK được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức cao



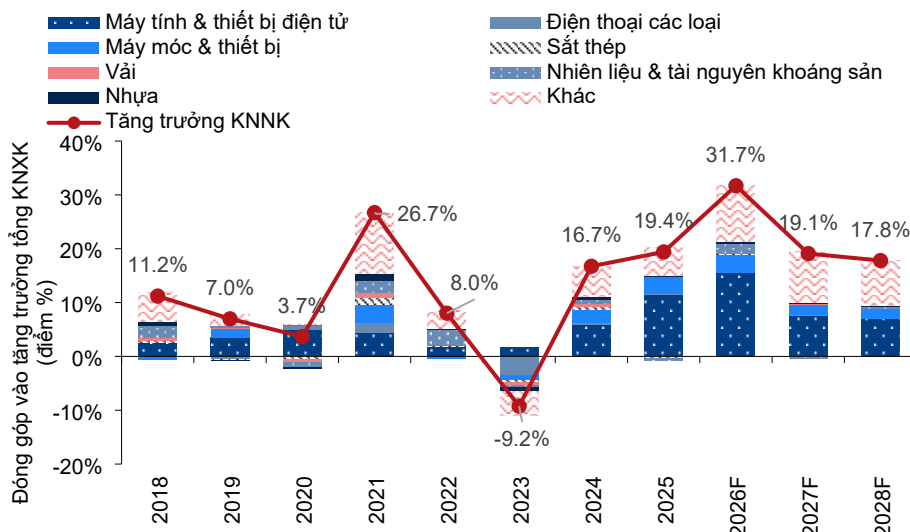
Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 18: Đóng góp của các nhóm SP vào dự báo tăng trưởng KNKK theo năm
KNKK các SP công nghệ chủ chốt được kỳ vọng sẽ duy trì tăng trưởng tích cực nhờ làn sóng gia tăng vốn đầu tư nhằm thúc đẩy chu kỳ tăng trưởng của AI trên toàn cầu



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 19: Đóng góp của các nhóm SP vào dự báo tăng trưởng KNNK theo năm
KNNK nhóm nguyên vật liệu & linh kiện công nghệ trung gian được kỳ vọng sẽ duy trì tăng trưởng tích cực



Nguồn: Hải quan, HSC

Trong tháng 9, HSC dự báo KNXX và KNNK tăng lần lượt 21,5% và 30,5% so với cùng kỳ (giảm lần lượt 5,2% và 5,1% so với tháng trước), tương đương thâm hụt 0,1 tỷ USD (Biểu đồ 20, 21). Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng KNXX và KNNK tăng trưởng hai chữ số trong bối cảnh áp dụng chính sách thuế “lao động cưỡng bức” theo Mục 301, trên cơ sở 1) chúng tôi ước tính [54,5% KNXX của Việt Nam sang Mỹ vẫn được miễn thuế “lao động cưỡng bức” theo Mục 301, trong khi 84,6% KNXX máy móc & thiết bị điện sang Mỹ vẫn nằm ngoài phạm vi mức thuế suất 12,5% mới](#) và 2) chỉ số PMI của Việt Nam tiếp tục cải thiện. Cụ thể:

- Chỉ số PMI sản xuất tăng lên [53,3](#) trong tháng 8 từ 52,9 trong tháng 7
- Số lượng đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 10/2025
- Sản lượng sản xuất tăng trưởng trong tháng thứ 16 liên tiếp với tốc độ nhanh nhất trong hơn 2 năm
- Lạm phát chi phí đầu vào hạ nhiệt xuống mức thấp nhất 11 tháng

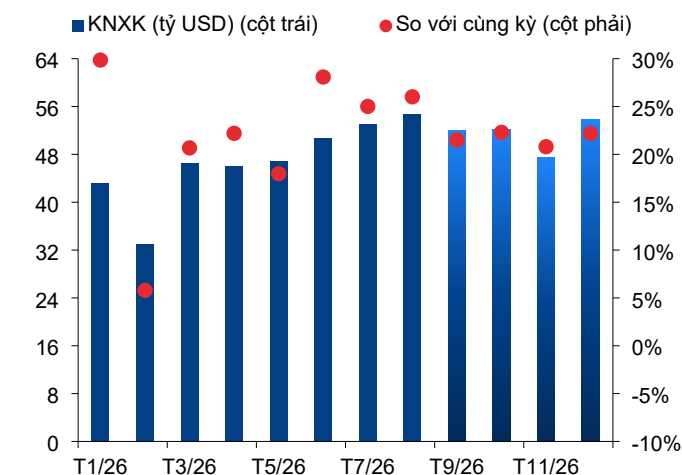
Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý một số rủi ro, bao gồm 1) số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm lần đầu tiên trong 4 tháng, mặc dù mức giảm không đáng kể, trong bối cảnh bất ổn địa chính trị tiếp diễn, 2) số lượng việc làm tiếp tục sụt giảm, tháng giảm thứ 5 trong 6 tháng gần đây và 3) niềm tin kinh doanh giảm nhẹ so với tháng 7 và vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trước cuộc chiến Mỹ - Iran.

Mặc dù đã nâng dự báo tăng trưởng thương mại, chúng tôi tiếp tục theo dõi các diễn biến thuế quan của Mỹ liên quan đến Việt Nam, đặc biệt là các cuộc điều tra theo Mục 301 về “năng lực sản xuất dư thừa” và “vi phạm sở hữu trí tuệ”. Chúng tôi tiếp tục lưu ý rủi ro gia tăng về khả năng Việt Nam bị áp thuế bổ sung theo 2 cuộc điều tra này do Việt Nam là quốc gia đóng góp lớn nhất vào thâm hụt thương mại lũy kế của Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2026, với mức thâm hụt tăng 41% so với cùng kỳ lên 139,3 tỷ USD, so với Đài Loan (tăng 81,2% so với cùng kỳ lên 131,5 tỷ USD), Mexico (tăng 14,3% so với cùng kỳ lên 128,8 tỷ USD) và Trung Quốc (giảm 28,8% so với cùng kỳ xuống 97 tỷ USD) (Biểu đồ 22, 23). Về lộ trình áp thuế thời gian tới, Mỹ nhiều khả năng sẽ [hoãn công bố các mức thuế bổ sung đối với Trung Quốc và các đối tác thương mại khác, bao gồm Việt Nam, theo cuộc điều tra “năng lực sản xuất dư thừa” theo Mục 301 cho đến sau cuộc gặp giữa ông Trump và ông Tập ngày 24/9/2026](#). Do Trung Quốc có thể phải chịu [mức thuế suất 7,5%](#) theo cuộc điều tra này, nếu Việt Nam bị áp dụng mức tương tự, thuế suất tổng thể đối với Việt Nam có thể tăng lên 20%, tương đương chính sách thuế IEEPA trước đây và phù hợp với khuôn khổ thương mại đối ứng mà Việt Nam đang theo đuổi với Mỹ. Do đó, nếu các mặt hàng máy tính, thiết bị điện tử, máy móc & linh kiện chủ chốt vẫn được miễn thuế, chúng tôi tin rằng hoạt

động thương mại sẽ tiếp tục ổn định. Đối với cuộc điều tra về “vi phạm sở hữu trí tuệ”, trong đó Việt Nam hiện là quốc gia duy nhất bị điều tra, chúng tôi đánh giá đây là rủi ro giảm lớn nhất đối với triển vọng thương mại và đang theo dõi chặt chẽ [chuyến thăm Mỹ của Tổng Bí thư Tô Lâm](#). Theo Bloomberg, sau cuộc gặp với Đại sứ USTR Greer, Tổng Bí thư Tô Lâm cho biết [thỏa thuận thương mại hiện đã “rất gần”](#), đồng thời tái khẳng định những nỗ lực của Việt Nam trong việc ngăn chặn hoạt động trung chuyển bất hợp pháp và đảm bảo hàng hóa xuất khẩu thực sự được sản xuất tại Việt Nam, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Tổng Bí thư cho biết thêm rằng các kết quả sơ bộ từ các cuộc điều tra của Mỹ là tích cực. Ngoài ra, Tổng Bí thư nhắc lại rằng Việt Nam đã thắt chặt kiểm soát hải quan, nghiêm cấm các sản phẩm sử dụng lao động cưỡng bức và tăng cường xử lý vi phạm bản quyền trực tuyến cùng các vi phạm liên quan đến sở hữu trí tuệ khác.

Biểu đồ 20: Tổng quan dự báo KNKK hàng tháng năm 2026

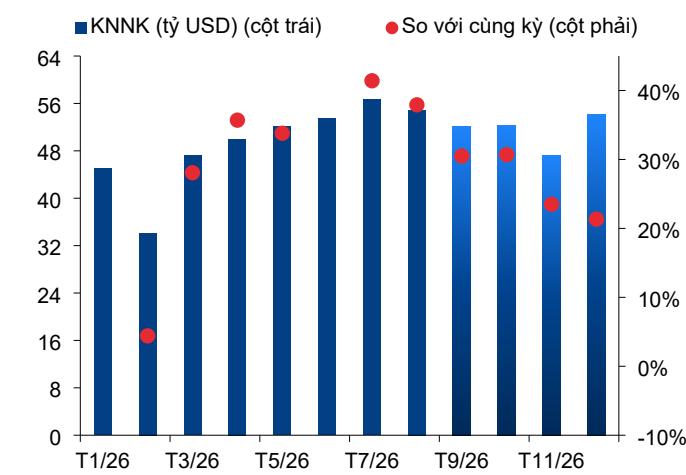
HSC dự báo KNKK tăng 21,5% so với cùng kỳ trong tháng 9



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 21: Tổng quan dự báo KNNK hàng tháng năm 2026

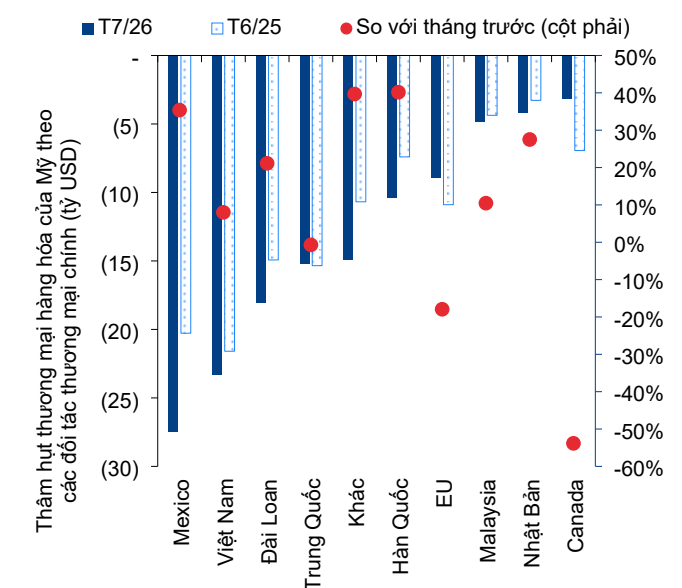
KNNK được kỳ vọng tăng 30,5% so với cùng kỳ trong tháng 9



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 22: Thâm hụt thương mại hàng hóa hàng tháng của Mỹ theo các đối tác thương mại chính

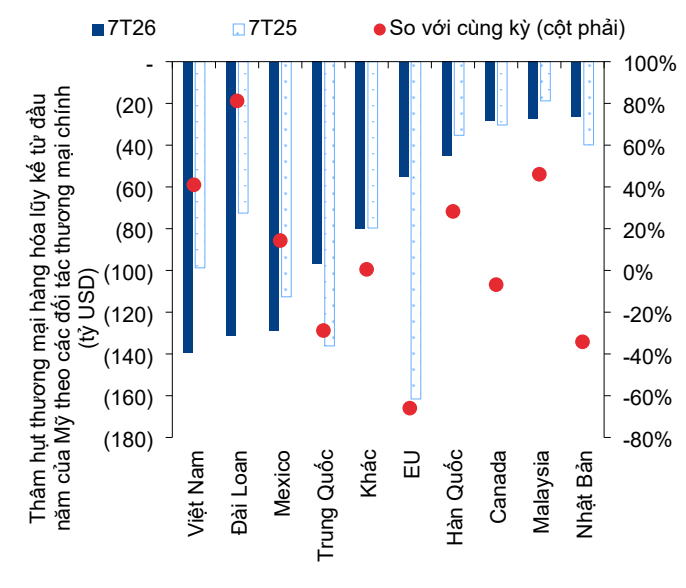
Việt Nam là quốc gia có mức đóng góp lớn thứ hai vào thâm hụt thương mại hàng hóa hàng tháng của Mỹ trong tháng 7, ở mức 23,3 tỷ USD (tăng 8% so với tháng trước), sau Mexico với 27,5 tỷ USD, sau khi đứng đầu trong tháng 5 và tháng 6



Nguồn: BEA, HSC

Biểu đồ 23: Thâm hụt thương mại hàng hóa lũy kế từ đầu năm của Mỹ theo các đối tác thương mại chính

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là quốc gia đóng góp lớn nhất vào thâm hụt thương mại trong 7 tháng đầu năm 2026, với mức thâm hụt lũy kế tăng 41% so với cùng kỳ lên 139,3 tỷ USD



Nguồn: BEA, HSC

Nâng dự báo FDI năm 2026 nhờ vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh

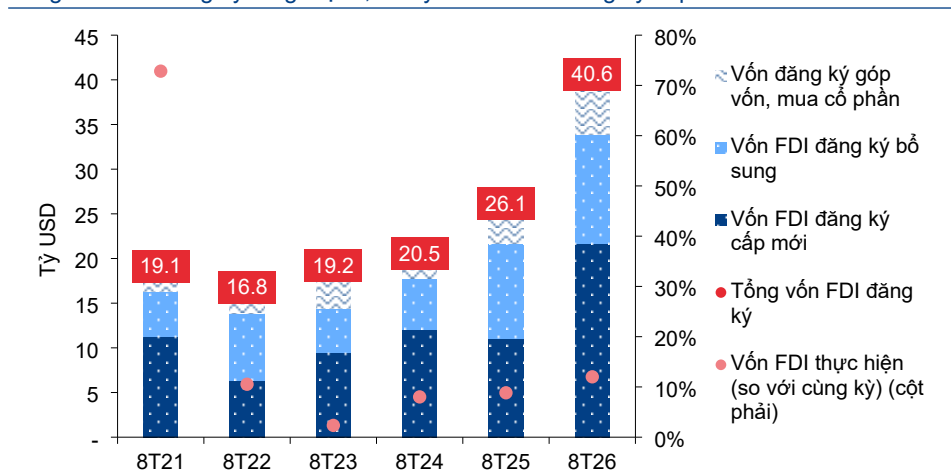
Tổng vốn FDI đăng ký tăng 55,4% so với cùng kỳ lên 40,6 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, chủ yếu nhờ vốn đăng ký mới, trong khi FDI thực hiện duy trì ổn định, tăng 12% so với cùng kỳ lên 17,3 tỷ USD. So với mục tiêu giai đoạn 2026-2030 theo [Nghị quyết 10-NQ/TW](#), FDI đăng ký mới đặt mục tiêu đạt 200-300 tỷ USD trong giai đoạn 2026-2030, tương đương 40-50 tỷ USD mỗi năm. Với 40,6 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, tăng trưởng FDI đăng ký nhìn chung vẫn theo sát mục tiêu 5 năm. Ngược lại, với mục tiêu FDI thực hiện đạt 150-200 tỷ USD, tương đương 30-40 tỷ USD mỗi năm, giải ngân 17,3 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026 hiện thấp hơn mục tiêu. Tuy nhiên, với vốn đăng ký mới tích cực kể từ đầu năm, chúng tôi kỳ vọng FDI thực hiện sẽ khởi sắc hơn trong thời gian tới.

Cụ thể, FDI đăng ký mới, phân khúc nhảy cảm nhất với các cú sốc quốc tế, tăng mạnh 96,8% so với cùng kỳ lên 21,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, phản ánh sự quan tâm của NĐT được khôi phục trong bối cảnh chính sách thuế quan nhiều biến động, từ thuế đối ứng theo IEEPA trong năm 2025 sang thuế suất toàn cầu 10% tạm thời theo Mục 122 và hiện nay là thuế suất 12,5% “lao động cường bức” theo Mục 301. Vốn FDI bổ sung cho các dự án hiện hữu tăng 14,7% so với cùng kỳ lên 12,2 tỷ USD bất chấp mức nền cao trong năm 2025, cho thấy các NĐT FDI hiện hữu tiếp tục quan tâm đến việc mở rộng hoạt động tại Việt Nam. Góp vốn & mua cổ phần tăng 50,1% so với cùng kỳ lên 6,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, cho thấy hoạt động góp vốn sôi động (Biểu đồ 24).

Đối với các dự án FDI trọng điểm trong 8 tháng đầu năm 2026, chúng tôi lưu ý hai dự án đăng ký mới quy mô lớn từ các tập đoàn Hàn Quốc là Samsung và LG Innotek. Trong tháng 2, Samsung Electro-Mechanics đăng ký [1,2 tỷ USD](#) cho dự án thứ hai tại Việt Nam, tập trung vào bảng mạch điện tử cao cấp tại Thái Nguyên, trong khi LG Innotek đăng ký [1 tỷ USD](#) cho nhà máy sản xuất để bán dẫn tại Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng. Đối với vốn FDI bổ sung, Foxconn công bố đầu tư thêm [1 tỷ USD](#) trong tháng 3 để mở rộng công ty con Fulian Technology tại KCN Quang Châu, Bắc Ninh, cho thấy tập đoàn Đài Loan này tiếp tục quan tâm mở rộng hoạt động (Biểu đồ 28).

Biểu đồ 24: Tổng quan xu hướng FDI lũy kế từ đầu năm

Tổng vốn FDI đăng ký tăng mạnh, chủ yếu nhờ vốn đăng ký cấp mới

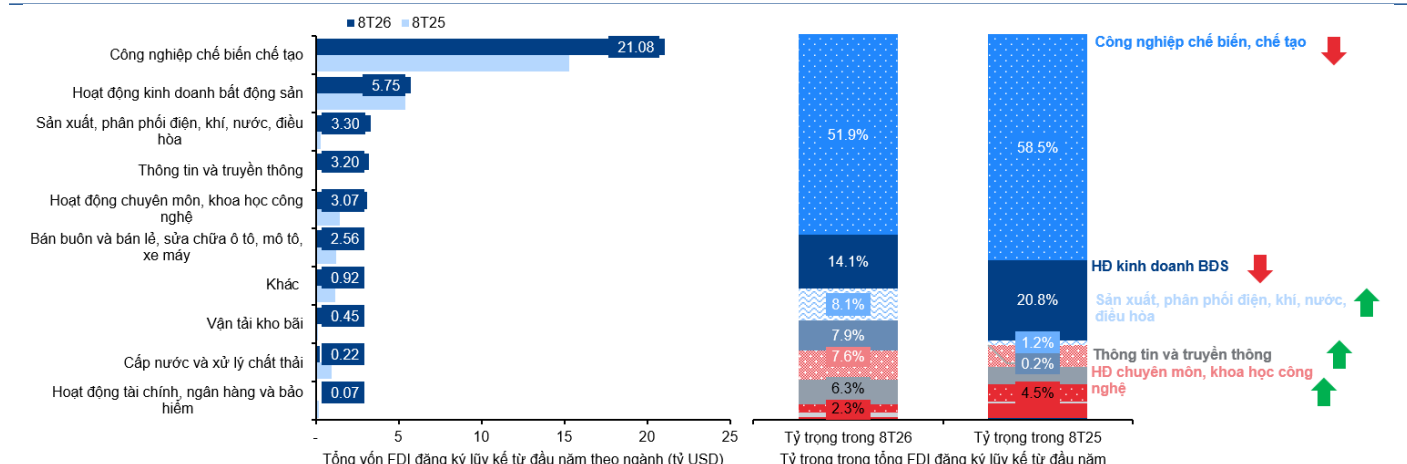


Nguồn: Cục Thống kê, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Cơ cấu theo ngành, ngành công nghiệp chế biến & chế tạo tiếp tục chiếm áp đảo trong dòng vốn FDI với 21,1 tỷ USD, tăng 37,8% so với cùng kỳ và chiếm 51,9% tổng vốn FDI đăng ký kể từ đầu năm. Tổng vốn FDI đăng ký vào ngành BĐS tăng 5,9% so với cùng kỳ lên 5,7 tỷ USD, chiếm 14,1% tổng vốn FDI đăng ký kể từ đầu năm, tiếp theo là ngành sản xuất & phân phối điện, khí đốt, cấp nước và điều hòa không khí tăng mạnh 10,7 lần lên 3,3 tỷ USD, chiếm 8,1%. Ngược lại, tổng vốn FDI đăng ký vào ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm giảm 53,6% so với cùng kỳ xuống 0,7 tỷ USD (Biểu đồ 25).

Biểu đồ 25: Xu hướng FDI lũy kế từ đầu năm theo ngành

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn FDI lũy kế từ đầu năm

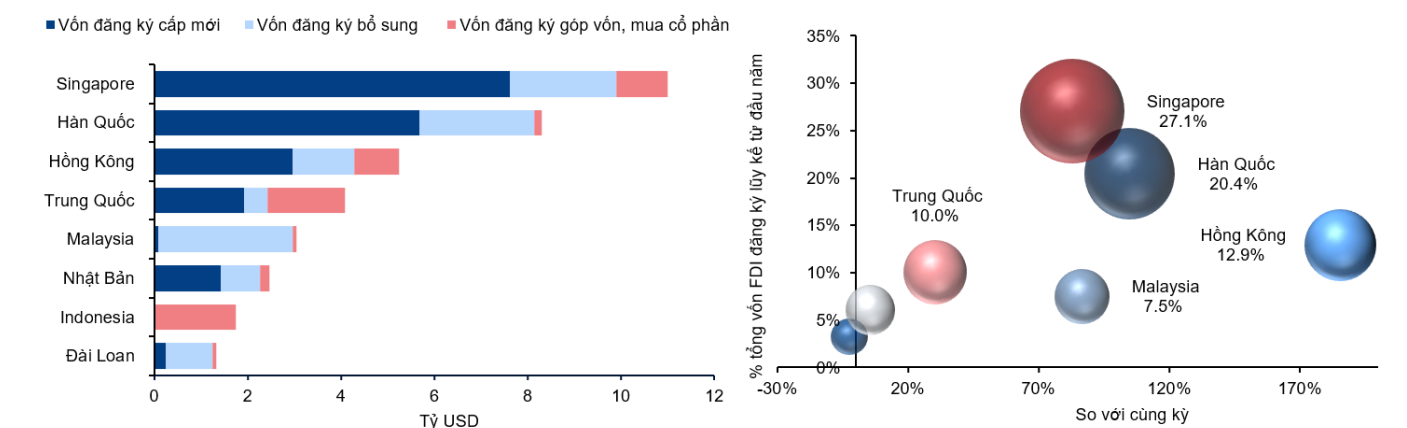


Nguồn: Cục Thống kê, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Cơ cấu theo quốc gia đầu tư, Singapore tiếp tục là đối tác FDI lớn nhất của Việt Nam với tổng vốn đăng ký tăng mạnh 82,8% so với cùng kỳ lên 11 tỷ USD, chiếm 27,1% tổng vốn FDI đăng ký kể từ đầu năm, tiếp theo là Hàn Quốc với 8,3 tỷ USD (tăng 104,9% so với cùng kỳ, chiếm 20,4%). Về số lượng dự án, Trung Quốc dẫn đầu ở cả 3 hình thức FDI với 989 dự án đăng ký mới (chiếm 35,7% tổng số dự án FDI đăng ký mới kể từ đầu năm), 160 dự án bổ sung vốn (chiếm 19,5%) và 585 lượt góp vốn & mua cổ phần (chiếm 28,4%) (Biểu đồ 26).

Biểu đồ 26: Xu hướng FDI lũy kế từ đầu năm theo các đối tác

Singapore tiếp tục có tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn FDI đăng ký lũy kế từ đầu năm

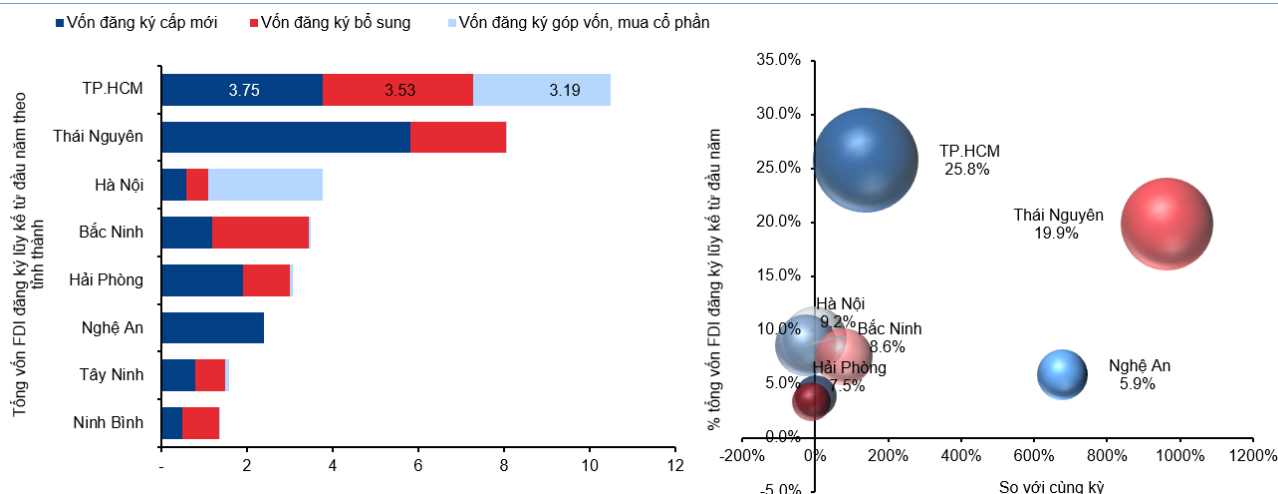


Nguồn: Cục Thống kê, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Cơ cấu theo địa phương, TP.HCM ghi nhận tổng vốn FDI đăng ký cao nhất trong 8 tháng đầu năm 2026 với 10,4 tỷ USD, tăng 138% so với cùng kỳ, chiếm 25,7% tổng vốn FDI đăng ký kể từ đầu năm, tiếp theo là Thái Nguyên với 8,1 tỷ USD, tăng 963% so với cùng kỳ, chiếm 19,8%. Đáng chú ý, Thái Nguyên nổi lên là địa phương có vốn đăng ký mới cao nhất kể từ đầu năm với 5,8 tỷ USD, chiếm 26,7% vốn đăng ký mới trong 8 tháng đầu năm 2026, nổi bật là dự án sản xuất bảng mạch điện tử cao cấp trị giá 1,2 tỷ USD của Samsung Electro-Mechanics Việt Nam trong tháng 2/2026. Về số lượng dự án, TP.HCM dẫn đầu về số dự án FDI đăng ký mới với 1.399 dự án, chiếm 50,5% tổng số dự án FDI đăng ký mới trong 8 tháng đầu năm 2026 (Biểu đồ 27).

Biểu đồ 27: Xu hướng vốn FDI lũy kế từ đầu năm theo tỉnh thành

Thái Nguyên dẫn đầu về vốn FDI đăng ký cấp mới lũy kế từ đầu năm



Nguồn: Cục Thống kê, FIA (Bộ Tài chính), HSC

Tăng trưởng FDI kể từ đầu năm vẫn tích cực bất chấp bối cảnh thuế quan biến động. Dựa trên tăng trưởng vượt kỳ vọng này, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng tổng vốn FDI đăng ký năm 2026 lên 28,1% so với cùng kỳ, từ 6,2% trước đó, tương đương 49,2 tỷ USD vốn FDI đăng ký. Chúng tôi cũng nâng dự báo tăng trưởng FDI thực hiện năm 2026 lên 9% so với cùng kỳ, từ 8,6% trước đó, tương đương 30,1 tỷ USD, nhờ vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh, dự kiến sẽ chuyển thành FDI thực hiện trong thời gian tới. HSC giữ nguyên dự báo FDI cho năm 2027-2028 trong khi chờ thêm thông tin rõ ràng về diễn biến thuế quan của Mỹ, cụ thể là hai cuộc điều tra theo Mục 301 về “năng lực sản xuất dư thừa” và “bảo hộ sở hữu trí tuệ”, cùng việc triển khai Nghị quyết 10 về phát triển khu vực FDI. Chúng tôi tóm tắt dự báo FDI điều chỉnh cho năm 2027-2028 trong Biểu đồ 3.

Năm 2026 đã chứng kiến những bước đột phá về chính sách hỗ trợ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể, [Nghị quyết 10-NQ/TW](#), ban hành ngày 8/6/2022, đã khẳng định vai trò chiến lược của khu vực FDI trong phát triển kinh tế Việt Nam với mục tiêu đầy tham vọng là 10.000 doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị FDI vào năm 2030. Nghị quyết cũng đặt mục tiêu nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội và GDP lên lần lượt 25% và 30% vào năm 2045, từ lần lượt 16,4% trong năm 2025 và 22,3% trong năm 2024.

Đáng chú ý, định hướng chính sách đánh dấu sự chuyển dịch từ thu hút vốn có chọn lọc sang thu hút FDI chất lượng cao, chú trọng hơn vào các cụm ngành công nghiệp, chuỗi giá trị trong nước và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Việc tăng cường giám sát sau đầu tư càng nhấn mạnh trọng tâm vào chất lượng thay vì số lượng, cùng với mục tiêu tỷ lệ nội địa hóa cao hơn ở mức 45-50% vào năm 2030, tăng từ 40% trước đó.

Các nhóm giải pháp trọng tâm của Nghị quyết 10 bao gồm phát triển nhân lực, xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ, phát triển hạ tầng và cải cách thể chế. Nhìn chung, ngoài các yếu tố bên ngoài như chính sách thuế quan của Mỹ, chúng tôi cho rằng tốc độ cải cách chính sách và thể chế trong nước sẽ ngày càng đóng vai trò tiên quyết đối với khả năng duy trì tăng trưởng FDI và thu hút đầu tư chất lượng cao hơn của Việt Nam, và chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện Nghị quyết 10.

Bảng 28: Các dự án FDI lớn tại Việt Nam trong năm 2026

Từ đầu năm 2026, Việt Nam đã thu hút đầu tư từ các tập đoàn toàn cầu lớn, bao gồm Foxconn, Samsung và LG Innotek

Doanh nghiệp	Quốc gia	Loại hình FDI	Ngành	Thông tin dự án	Địa phương	Vốn đầu tư ước tính (tỷ USD)	Thời gian
USI (Công ty mẹ: ASE Technology Holding)	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Chất bán dẫn/AI	Công ty con USI của ASE Technology Holding đã được phê duyệt khoản đầu tư bổ sung 120 triệu USD vào cơ sở sản xuất tại Hải Phòng, nhằm hỗ trợ mở rộng sang các sản phẩm liên quan đến trung tâm dữ liệu và AI.	Hải Phòng	0.12	T9-26
Bangshi	Anh	Vốn đăng ký cấp mới	Dệt may	Nhà máy sản xuất vải cao cấp của Unitex Vietnam, với tổng vốn đầu tư 23,5 triệu USD và công suất 10,8 triệu m ² /năm, dự kiến bắt đầu hoạt động vào tháng 12/2027.	Khánh Hòa	0.02	T9-26
Cooler Master	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Sản xuất	Cooler Master Vietnam đã bổ sung 225 triệu USD vốn FDI đăng ký vào dự án tại KCN Gia Bình, nâng tổng vốn đầu tư lên 475 triệu USD.	Bắc Ninh	0.2	T9-26
Amphenol Highspeed IO Technology Vietnam	Mỹ	Vốn đăng ký bổ sung	Sản xuất	Technology bổ sung 188,4 triệu USD vào dự án Yên Phong II-C, nâng tổng vốn đầu tư lên 249,4 triệu USD, nhằm mở rộng sản xuất các sản phẩm kết nối tốc độ cao cho hệ thống điện tử và CNTT.	Bắc Ninh	0.19	T9-26
Fukang Technology (Foxconn)	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Sản xuất	Fukang Technology bổ sung 167 triệu USD vào dự án Quang Châu, nâng tổng vốn đầu tư lên 867 triệu USD.	Bắc Ninh	0.17	T9-26
Micro Commercial Components Vietnam	US	Vốn đăng ký bổ sung	Chất bán dẫn/AI	Micro Commercial Components (Vietnam) bổ sung 100 triệu USD vào nhà máy sản xuất chất bán dẫn tại Yên Phong II-C, nâng tổng vốn đầu tư lên 215 triệu USD.	Bắc Ninh	0.1	T9-26
VSIP	Singapore	Vốn đăng ký cấp mới	Sản xuất	Dự án trị giá 138 triệu USD của VSIP sẽ phát triển và vận hành hạ tầng KCN tại Nẵng.	Đà Nẵng	0.14	T7-26
LG Innotek	Hàn Quốc	Vốn đăng ký cấp mới	Chất bán dẫn/AI	LG Innotek có kế hoạch đầu tư 1 tỷ USD vào nhà máy sản xuất nền bán dẫn tại Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, dự kiến bắt đầu sản xuất hàng loạt từ Q3/28.	Hải Phòng	1	T7-26
Meiko Corporation	Nhật Bản	Vốn đăng ký cấp mới	Chất bán dẫn/AI	Tập đoàn Meiko của Nhật Bản có kế hoạch đầu tư hơn 500 triệu USD vào nhà máy sản xuất chip điện tử tại Phú Thọ, tập trung vào các công nghệ AI và vũ trụ.	Phú Thọ	0.5	T6-26
Panjit	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Chất bán dẫn/Sản xuất	Dự án nhằm chuyển đổi nhà máy của công ty tại TP.HCM thành trung tâm quan trọng trong chuỗi cung ứng chất bán dẫn công suất, vi mạch (IC), linh kiện điện tử ô tô và các giải pháp năng lượng xanh.	Bình Dương	0.05	T5-26
Quanta Computer	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Sản xuất	Quanta Computer Inc. tăng vốn đầu tư cho dự án tại KCN Mỹ Thuận, chuyên sản xuất máy tính xách tay, máy tính bàn và linh kiện điện tử.	KCN Mỹ Thuận, Ninh Bình	0.24	T5-26

Lehome International Co., Ltd	Hồng Kông	Vốn đăng ký cấp mới	Sản xuất gỗ	Dự án nhằm sản xuất đồ nội thất bằng gỗ trong nhà và ngoài trời, đồng thời cung cấp dịch vụ cho thuê nhà xưởng cho các ngành phù hợp theo quy hoạch.	Gia Lai	0.01	T5-26
Accton Technology Corporation	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Viễn thông	Accton Technology – đối tác của Intel – đang đầu tư 80 triệu USD, với sản phẩm đầu ra phục vụ thiết bị mạng, trung tâm dữ liệu và hạ tầng AI.	Phú Thọ	0.08	T5-26
Lite-on Technology	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Chất bán dẫn/ Sản xuất	Công ty sản xuất đồ điện tử Đài Loan Lite-On Technology bổ sung 149 triệu USD vào các công ty con sở hữu tại Việt Nam, nhằm mở rộng công suất sản xuất và hoạt động sản xuất tại Việt Nam.	Hải Phòng, Quảng Ninh	0.15	T5-26
Dự án Nhà máy Điện tử BYD Việt Nam	Trung Quốc	Vốn đăng ký bổ sung	Sản xuất	Dự án Nhà máy Điện tử BYD Việt Nam tăng thêm 479 triệu USD vốn đầu tư, nâng tổng vốn đầu tư đăng ký lên 890 triệu USD.	Phú Thọ	0.48	T4-26
POSCO Future M Company Limited	Hàn Quốc	Vốn đăng ký cấp mới	Điện tử	POSCO đang đầu tư vào một dự án sản xuất vật liệu pin, với sản phẩm đầu ra dự kiến được cung cấp cho các nhà sản xuất xe điện chủ chốt của Mỹ.	KCN Sông Công II, Thái Nguyên	0.28	T4-26
Goertek Vina	Trung Quốc	Vốn đăng ký bổ sung	Điện tử	Goertek Vina đang mở rộng nhà máy sản xuất thiết bị điện tử, thiết bị mạng và các sản phẩm âm thanh đa phương tiện.	Bắc Ninh	0.02	T4-26
Liên doanh giữa SK Innovation, POW và Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	Hàn Quốc	Vốn đăng ký cấp mới	Năng lượng	Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Nghệ An	2.2	T3-26
GE Vernova, Inc	Mỹ	Vốn đăng ký cấp mới	Sản xuất	Thành lập cơ sở sản xuất thiết bị truyền tải điện một chiều cao áp (HVDC).	Hải Phòng	0.2	T3-26
Liên doanh giữa Accelerated Infrastructure Capital (AIC) và KBC	Anh	Vốn đăng ký cấp mới	Điện tử	Phát triển trung tâm dữ liệu AI.	KCN Tân Phú Trung, TP.HCM	2.1	T3-26
Foxconn	Đài Loan	Vốn đăng ký bổ sung	Điện tử	Foxconn đã bổ sung vốn vào công ty con Fulian Technology nhằm hỗ trợ HKKD.	KCN Quang Châu, Bắc Ninh	1	T3-26
Samsung	Hàn Quốc	Vốn đăng ký cấp mới	Điện tử	Dự án Samsung Electro-Mechanics Việt Nam số 2 sản xuất bảng mạch điện tử cao cấp.	Thái Nguyên	1.2	T2-26
Future Textile	Singapore	Vốn đăng ký bổ sung	Dệt may	Dự án sản xuất vải Future Textile (Singapore) được bổ sung vốn đầu tư.	Tây Ninh	0.35	T2-26
Singvin Asset Management Pte Ltd & Land River Holdings Pte Ltd	Singapore	Vốn đăng ký cấp mới	Sản xuất	Dự án nhà máy sản xuất thép không gỉ.	Hà Tĩnh	0.38	T1-26
Seojin System	Hàn Quốc	Vốn đăng ký bổ sung	Điện tử	Nhà máy Seojin Vietnam được bổ sung 453 triệu USD vốn đầu tư, nâng tổng vốn đăng ký lên 760 triệu USD	Bắc Giang	0.45	T1-26

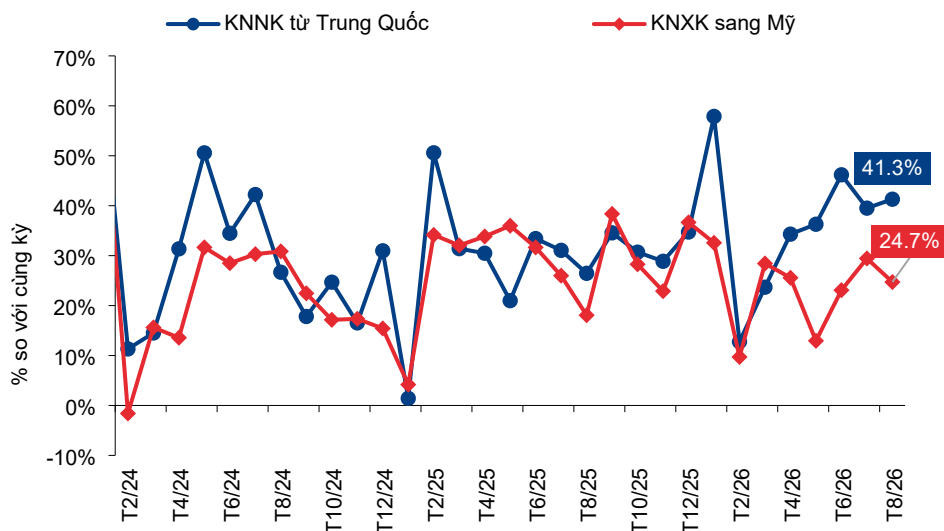
Nguồn: Tổng hợp, HSC

Phụ lục

Các số liệu liên quan đến thương mại

Biểu đồ 29: Dòng chảy thương mại của Việt Nam với Mỹ và Trung Quốc

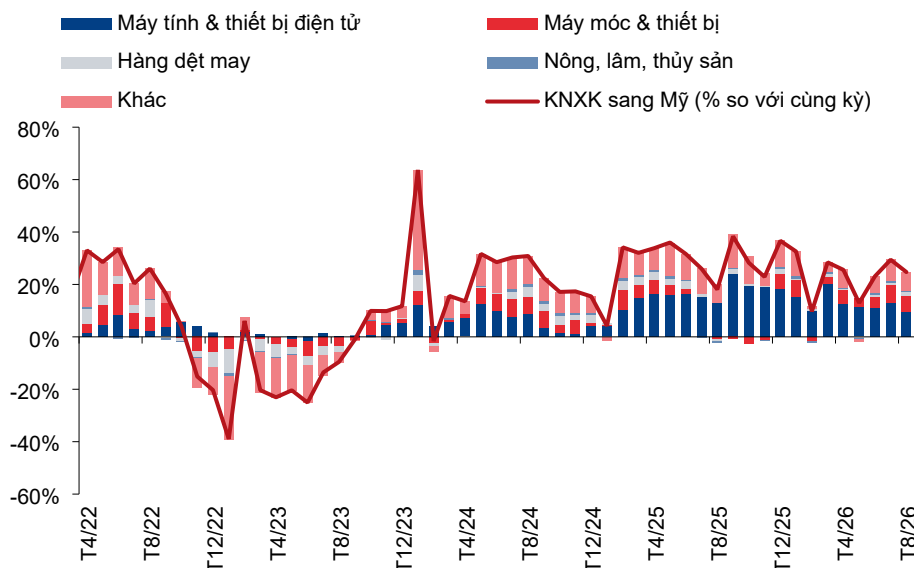
Hoạt động thương mại với hai đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tiếp tục ghi nhận mức tăng hai chữ số trong tháng 8/2026



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 30: Đóng góp vào tăng trưởng KNXK sang Mỹ theo các sản phẩm chính

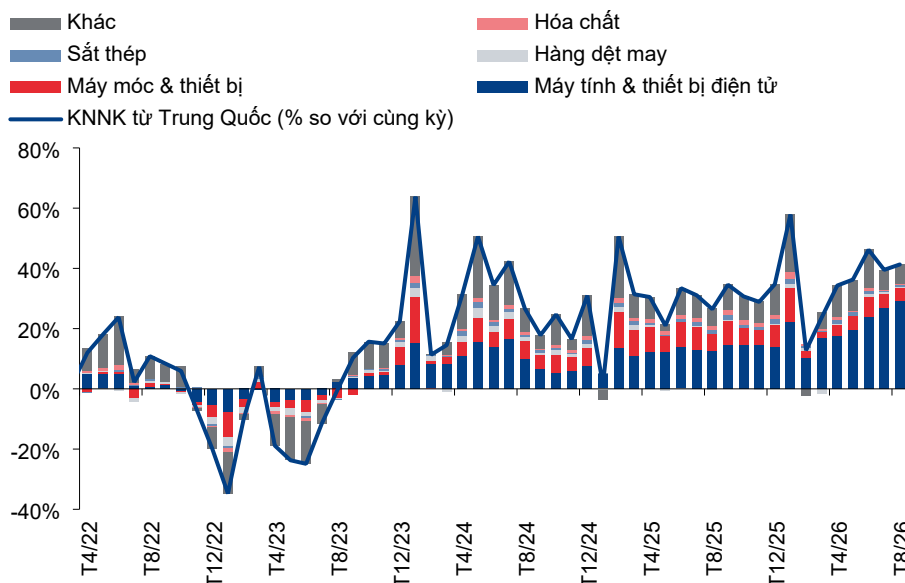
Máy tính & thiết bị điện tử chiếm 9,4 điểm phần trăm trong tổng KNXK sang Mỹ trong tháng 8/2026



Nguồn: Hải quan, HSC

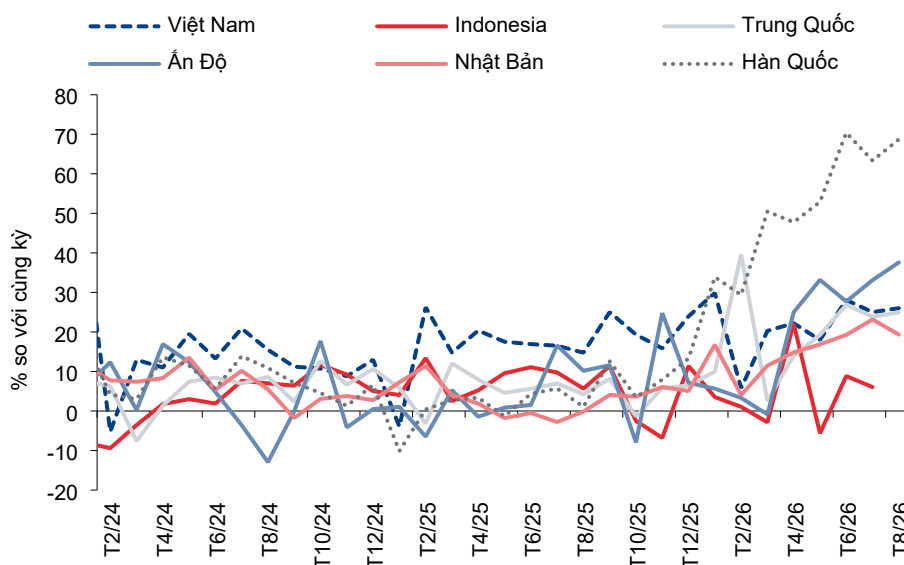
Ghi chú: Nhóm sản phẩm nông, lâm, thủy sản bao gồm thủy sản, gạo, cà phê, rau quả, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, gỗ và sản phẩm gỗ, sản và sản phẩm từ sản, bánh ngọt, kẹo và các chế phẩm từ ngũ cốc, thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Biểu đồ 31: Đóng góp vào tăng trưởng KNNK từ Trung Quốc theo các SP chính
Nhóm máy tính và sản phẩm điện tử đóng góp 29,2 điểm phần trăm vào tổng KNNK từ Trung Quốc trong tháng 8



Nguồn: Hải quan, HSC

Biểu đồ 32: Tăng trưởng KNXK hàng tháng của các nền kinh tế
KNXK của Hàn Quốc tăng mạnh 68,7% so với cùng kỳ trong tháng 8, chủ yếu nhờ xuất khẩu chất bán dẫn

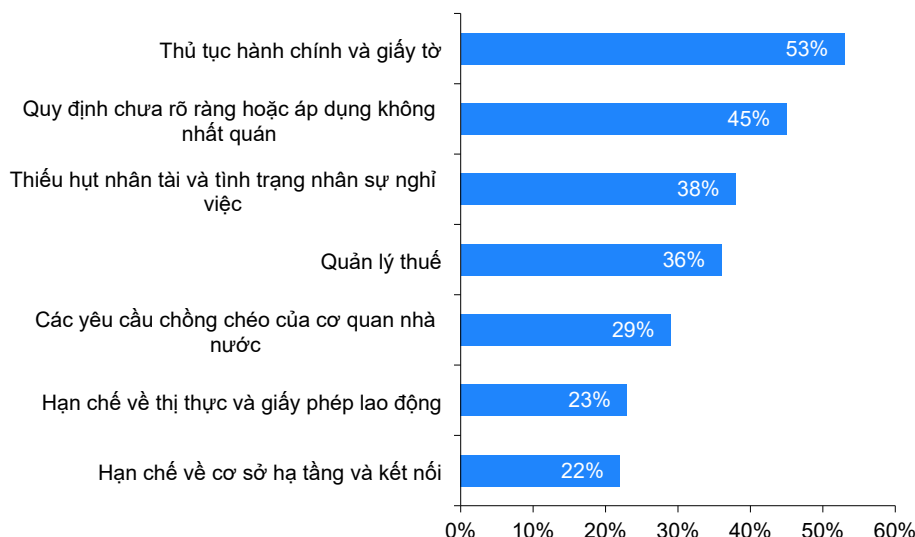


Nguồn: CEIC, HSC

Số liệu liên quan đến FDI

Biểu đồ 33: Khảo sát Q2/26 của EuroCham: Các thách thức chính về hoạt động và quy định đối với doanh nghiệp FDI

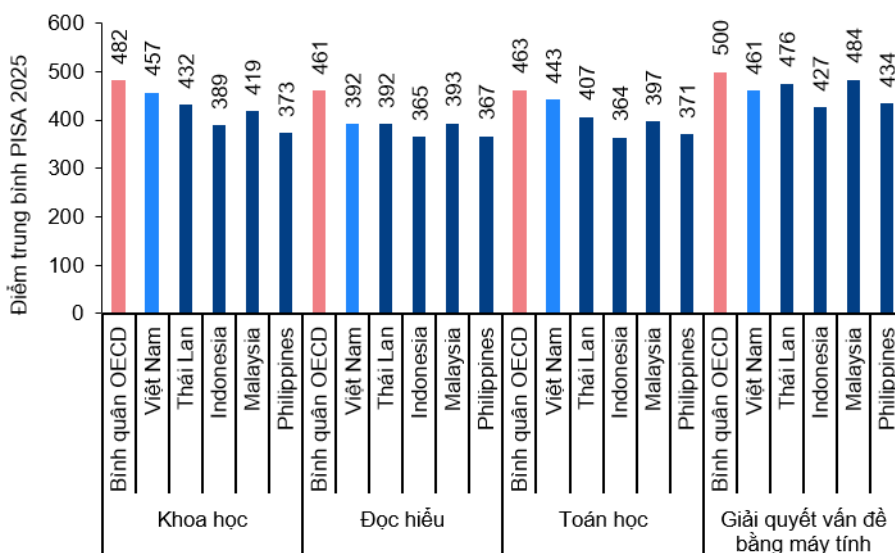
Việt Nam được kỳ vọng sẽ đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho FDI chất lượng cao hơn



Nguồn: EuroCham, HSC
Ghi chú: [Kết quả khảo sát Q2/26](#); Câu hỏi khảo sát: Những thách thức chính nào hiện đang hạn chế tăng trưởng của tổ chức bạn tại Việt Nam?
Đơn vị: % số người trả lời (n = 250)

Biểu đồ 34: PISA 2025 của OECD: Tổng quan kết quả khoa học, đọc hiểu, toán học và giải quyết vấn đề bằng máy tính của các nền kinh tế chủ chốt trong khu vực

Việt Nam dẫn đầu khu vực về điểm số môn khoa học và toán học, trong khi đứng sau các nền kinh tế chủ chốt trong khu vực về đọc hiểu và giải quyết vấn đề



Nguồn: OECD, HSC
Ghi chú: [Kết quả PISA năm 2025 của OECD](#)

Bảng 35: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F	2028F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500	27,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	4,060	4,167	4,212
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	8.50	8.00	8.00
GDP (tỷ USD)	346	370	411	433	476	514	545	576	621
GDP bình quân đầu người (USD)	3,558	3,757	4,132	4,316	4,702	5,026	5,279	5,537	5,910
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.35	-2.20	0.34	5.96	6.41	6.38	-0.92	0.35	0.48
Nợ công/GDP (%)	43.5	44.2	37.0	36.5	37.0	36.8	37.3	39.0	40.6
Nợ Chính phủ/GDP (%)	38.3	39.2	34.7	32.9	33.0	33.2	34.1	36.1	37.9
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.7	2.5	3.0	2.8	2.8	3.6	4.2	5.1	5.2
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	114	123	124	131	136	145	148	153	157
FDI giải ngân / FDI (%)	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.5	5.5	5.6
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.7	4.2	4.1
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	5.1	4.5	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	14.0	13.5	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	19,444	21,972	24,719	27,685
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	8.5	13.0	12.5	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	95	107	85	90	81	83	90	95	100
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.9	6.0	6.0
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	4.5	4.6	4.7
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.7	4.8	4.9
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	-19.2	-8.3	4.3
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	15.1	-8.1	1.4	25.8	30.5	32.8	-5.0	2.0	3.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	263	333	360	326	381	455	599	714	841
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	31.7	19.1	17.8
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	283	336	372	355	406	475	580	705	845
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	22.1	21.6	19.8
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	129	140	149	142	155	169	179	189	205
Nợ nước ngoài/GDP (%)	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8	33.0
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	30.1	32.0	34.7
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	49.2	54.2	57.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	10.5	8.0	9.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	11.0	9.0	10.0
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	11.0	9.5	10.0
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	12.0	13.0	13.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn